| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẠI TỪ**<br>**TỈNH THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2021
V/v: P – B

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN**
***Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Mây

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuyến và ông Nguyễn Văn Mười

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Hồng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2021/TLST - HNGĐ, ngày 19/01/2021 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐST - HNGĐ, ngày 09/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị P, sinh năm 1987 - có mặt

Trú Tại: xóm Đ, xã A, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Trần Xuân B, sinh năm 1985 - vắng mặt không lý do

Trú tại: xóm Đ, xã A, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, lời khai tại Tòa án chị Phạm Thị P trình bày: Tôi và anh Trần Xuân B kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Quá trình sống chung vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 2/2019 sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh B có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Tháng 10/2019 tôi làm đơn xin ly hôn anh B gửi lên Toà án huyện Đại Từ, Thẩm phán đã hoà giải và tôi đã rút đơn ly hôn về. Tháng 12/2020 chồng tôi lại tiếp tục gây sự đánh đập tôi, tôi lại tiếp tục làm đơn xin ly hôn gửi lên Toà án huyện Đại Từ và vợ chồng sống ly thân từ đó. Trước tết âm lịch năm 2021 Toà án có gọi hai bên lên cho viết bản tự khai và hoà giải hai bên về đoàn tụ. Khi về nhà anh B thường xuyên chửi bới đe doạ tôi, ngày 15/02/2021 anh B chửi mắng đe

doạ tôi, phá đồ đạc của tôi, tôi đã báo công an xã đến lập biên bản. Anh B thường xuyên doạ tôi là sẽ giết chết tôi, tạt axit vào mặt, doạ đánh gẫy chân tay tôi, gọi điện cho anh rể tôi đe doạ sẽ đánh tôi tàn phế cho mẹ tôi phải nuôi tôi; Ngày 20/3/2021 tôi đi nhận làm hoàn thiện mương rãnh hố ga cho công trình xây dựng ở dưới thành phố Sông Công, anh B đến tận nơi phá máy móc đồ đạc và sau đó gọi ô tô đến chở hết P tiện làm việc của tôi đi và gọi điện đe doạ tôi làm tôi phải đi ở nhờ nơi khác không dám về nhà. Tôi thường xuyên phải sống trong lo sợ nên đề nghị Toà án giải quyết ly hôn ngay cho tôi.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Hải Y sinh ngày 28/10/2008; Trần Thị Hồng N, sinh ngày 21/01/2012. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi hai con chung vì hai cháu đều là con gái.

- Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Tại bản tự khai chị P xác định vợ chồng có một số tài sản chung là: Hợp đồng xây dựng với công ty TNHH môi trường Thành Quý và đã có khối lượng giá trị hoàn thành là 1.277.430.000 đồng, trong đó đã ứng để trả công nhân 588.200.000 đồng và giá trị còn lại là 689.230.000 đồng. Ngoài ra còn ký thêm một hợp đồng mới với công ty TNHH môi trường Thành Quý nhưng hiện tại chưa hoàn thiện. Có 01 mảnh đất mua của ông Nguyễn Văn K, trại xóm B, xã C, huyện Ph. Về nợ chung: Nợ bố mẹ chị P là ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H 50.000.000 đồng; nợ ông Nguyễn Văn K 314.000.000 đồng.

Ngày 29/3/2021 chị P có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Trần Xuân B đến Toà án để giải quyết việc chị P xin ly hôn anh nhưng anh B chỉ đến 01 lần còn lại đều vắng mặt không lý do. Anh B cung cấp tại Tòa án bản tự khai trong đó trình bày: Tôi kết hôn với chị P vào năm 2006, có được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện V. Thời gian đầu chúng tôi sống rất hạnh phúc đến khi vợ chồng tôi mâu thuẫn với nhau vào thời điểm đầu năm 2020. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tôi đã nhắn tin với bạn gái và đã ghen tuông quá khiến vợ tôi không chịu nổi. Đến nay tôi vẫn thương yêu và chăm sóc vợ tôi. Vậy tôi đề nghị Tòa án xem xét để vợ chồng chúng tôi được chung sống với nhau để chăm sóc các con.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Hải Y sinh ngày 28/10/2008; Trần Thị Hồng N, sinh ngày 21/01/2012, hiện các con đang ở với ông bà ngoại. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn các con muốn ở với ai anh B nhất trí để các con tự lựa chọn.

- Về tài sản chung: gồm có đất, nhà và một số tiền trên công trình chưa thanh toán được. Về nợ gồm có: nợ ông Nguyễn Văn K 314.000.000 đồng tiền đất và nhà;

nợ anh Phạm Văn T 50.000.000 đồng vay để mua đất. Về khoản cho vay: Cho ông Nguyễn Văn T1 vay 10.000.000 đồng và anh Phạm Văn Th vay 15.000.000 đồng. Khi ly hôn về phần tài sản anh B có quan điểm cho chị P đất và nhà để chăm sóc con còn số tiền đang cho vay sẽ dành cho các con.

Do anh B không đến Toà án để giải quyết việc ly hôn nên Tòa án đã làm việc với đại diện công an xã A và được cung cấp thông tin: Chị P và anh B đều có hộ khẩu thường trú tại xóm Đ, xã A, huyện Đ và có 02 con chung là Trần Thị Hải Y sinh ngày 28/10/2008; Trần Thị Hồng N, sinh ngày 21/01/2012. Vợ chồng anh B chị P ở địa P sống bình thường, chấp hành pháp luật tốt. Gần đây do chị P có đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án, Công an xã có nhận được thông tin do chị P trình báo là anh B có nhắn tin đe dọa chị, dọa giết chị chị lo sợ nên đã báo công an. Gần đây đang giữa đêm chị P cũng gọi điện báo công an, để đảm bảo an ninh địa bàn công an xã đã cử cán bộ xuống ngay hiện trường, sự việc mới xảy ra nên chưa có xô xát. Ngoài ra chúng tôi không nắm được thông tin gì khác giữa chị P với anh B. Tại buổi làm việc, công an xã A đã cung cấp cho Tòa án bản photo đơn trình báo sự việc trên của chị P để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Do anh B vắng mặt nên vụ án phải đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị P giữ nguyên yêu cầu như nêu trên.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và hội đồng xét xử: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 BLTTDS.Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của các đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn cư trú tại Xóm Đ, xã A, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- Về sự có mặt của đương sự: đối với bị đơn, anh Trần Xuân B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh B.

[2]. Về nội dung: Chị Phạm Thị P kết hôn với anh Trần Xuân B kết hôn năm 2006 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật trên cơ sở tự nguyện. Do đó xác định quan hệ hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị P xác định vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 2/2019 sau đó phát sinh mâu thuẫn do chị P nghi ngờ anh B có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Dù chị đã cho cơ hội hàn gắn nhiều lần nhưng anh B không thay đổi. Sau khi chị P có đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án anh B có dấu hiệu bạo hành tinh thần đối với chị P nên chị kiên quyết xin ly hôn chồng. Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị P và anh B do quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị P, cho chị được ly hôn với anh Trần Xuân B.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Hải Y sinh ngày 28/10/2008; Trần Thị Hồng N, sinh ngày 21/01/2012. Quá trình giải quyết phía chị P có nguyện vọng được nuôi hai con chung, anh B nhất trí để các con tự lựa chọn. Cháu Y và cháu N đơn xin trình bày nguyện vọng được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Do vậy nên chấp nhận yêu cầu của chị P, giao cháu Y, cháu N cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Về tài sản: Chị P đã rút yêu cầu về phần tài sản. Phía anh B vắng mặt tại phiên toà nên HĐXX không xem xét giải quyết về phần này.

Về án phí: Chị P phải nộp án phí LHST theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227, 228 BLTTDS; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. ***Tuyên xử:***

***1. Về quan hệ hôn nhân***: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị P, cho chị P được ly hôn anh Trần Xuân B.

***2. Về con chung***: Giao cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Trần Thị Hải Y sinh ngày 28/10/2008 và cháu Trần Thị Hồng N, sinh ngày 21/01/2012cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.  Anh B có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không giải quyết.

***3. Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay***: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

***4. Về án phí***. Chị P phải nộp 300.000đ án phí LHST vào ngân sách Nhà nước, chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp sang - biên lai số 0013725, ngày 15/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị P, vắng mặt anh B. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt; kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với người vắng mặt./.

**Nơi nhận:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND cấp xã;
- Lưu hồ sơ + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN HỒNG MÂY**